

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-02-2022.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Nguyễn Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Chí N, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2021 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Kim T trình bày: Vào năm 1992 bà và ông Huỳnh Chí N kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15 tháng 10 năm 2002. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông N xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi, bà và ông N đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Vì cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông N không còn hạnh phúc và mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Chí N. Về con

chung, có một người tên là Huỳnh Tiến Đ (giới tính nam), sinh năm 1994, hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên bà không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Chí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc bà Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Chí N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Huỳnh Chí N cư trú tại ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Huỳnh Chí N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, bà Nguyễn Kim T và ông Huỳnh Chí N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Kim T và ông Huỳnh Chí N là hôn nhân hợp pháp. Bà T yêu cầu ly hôn ông N vì cho rằng quá trình chung sống giữa bà và ông N xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên các đương sự đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay mà không hàn gắn, đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án ông N không có ý kiến đối với yêu cầu của bà T cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho bà Nguyễn Kim T ly hôn với ông Huỳnh Chí N là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, bà T và ông N có một người con chung tên là Huỳnh Tiến Đ (giới tính nam), sinh năm 1994, hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đặt ra xem xét.

[4] Bà Nguyễn Kim T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, ông Huỳnh Chí N không có ý kiến về các vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Kim T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Kim T ly hôn với ông Huỳnh Chí N.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012530, ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên bà Nguyễn Kim T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ